

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 10 - 02 - 2023

V/v Tranh chấp về Hôn nhân và
gia đình

NHÂN DANH**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Bùi Thị Kiều Nguyên.

2. Bà Hoàng Thị Len.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 136/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2022 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2023/QĐXX-ST ngày 31 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phí Thị N, sinh năm 1990

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T1, xã Đ, huyện Đ2, tỉnh Thái Bình.
Địa chỉ hiện nay: Thôn Đ1, xã Đ, huyện Đ2, tỉnh Thái Bình.

Giấy chứng minh nhân dân số XXXXXXXXXX do Giám đốc Công an tỉnh Thái Bình cấp ngày 24/9/2013.

Bị đơn: Anh Nhâm Văn T, sinh năm 1983

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T1, xã Đ, huyện Đ2, tỉnh Thái Bình.
Địa chỉ hiện nay: Đài Loan.

Giấy chứng minh nhân dân số XXXXXXXXXX do Giám đốc Công an tỉnh Thái Bình cấp ngày 23/04/2014.

(Chị N, anh T vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***/ Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:** Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/11/2022 và Bản tự khai của nguyên đơn trong quá trình tố tụng thì chị Phí Thị N yêu cầu giải quyết về quan hệ hôn nhân, quan hệ con chung với anh Nhâm Văn T và trình bày cụ thể như sau:

Chị N và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ2, tỉnh Thái Bình vào ngày 02/3/2009. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc tại nhà bố mẹ đẻ anh T, anh chị đã sinh được ba người con chung. Tuy nhiên do vợ chồng còn trẻ, công việc không ổn định lại nuôi ba con nhỏ nên kinh tế gia đình rất khó khăn. Đến năm 2017, chị N và anh T bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do kinh tế khó khăn, vợ chồng lại không tìm được tiếng nói chung trong việc tạo dựng và chi tiêu gia đình. Từ đó anh chị thường xuyên xảy ra bất hòa, xô xát. Bố mẹ của anh T và chị N đã nhiều lần khuyên can, góp ý nhưng mâu thuẫn giữa hai bên không những không được khắc phục mà còn ngày càng trầm trọng hơn. Tháng 8/2022, anh T đi lao động tại Đài Loan. Từ đó, chị N và anh T không còn giữ liên lạc với nhau. Đến nay, vợ chồng chị không còn tình cảm với nhau, cả hai đều mong muốn có cuộc sống riêng, mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên chị N đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Chị N và anh T có ba con chung là Nhâm Khánh L, sinh ngày 18/02/2010, Nhâm Khánh P, sinh ngày 04/7/2011 và Nhâm Tiến D, sinh ngày 01/6/2014. Cả ba con chung hiện đang sống cùng chị N. Ly hôn, chị N đề nghị Tòa án giao cả ba con cho chị N nuôi dưỡng. Chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị N và anh T không có tài sản chung, không vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ tài sản.

***/ Tại bản tự khai của anh Nhâm Văn T gửi từ nước ngoài về Tòa án, anh T trình bày:**

Anh T xác nhận việc xác lập quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị N như chị N đã trình bày. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống với gia đình bố mẹ anh T và vợ chồng đã có 3 con chung. Do anh T, chị N không có công việc ổn định và phải nuôi dưỡng ba con nhỏ nên kinh tế gia đình rất khó khăn. Đến năm 2017, anh T và chị N phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Để cải thiện kinh tế gia đình, năm 2019, anh T đã đi lao động tại Nhật Bản nhưng do bị lừa nên khi vừa sang Nhật Bản, anh T đã bị trục xuất về nước. Chính vì vậy mâu thuẫn giữa vợ chồng càng trở nên gay gắt hơn, anh chị thường xuyên xảy ra xô xát. Mặc dù bố mẹ chị N và bố mẹ anh T đã nhiều lần khuyên giải nhưng mâu thuẫn giữa vợ chồng vẫn không được tháo gỡ. Tháng 5/2022, anh T đi lao động tại Đài Loan. Cũng từ đó, anh T và chị N không còn giữ liên lạc, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Anh T xác định vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên anh T nhất trí ly hôn với chị N.

Về con chung: Anh T xác định anh và chị N có ba con chung như chị N trình bày. Ly hôn, anh đồng ý để chị N trực tiếp dưỡng ba con chung như yêu cầu của chị N, đồng ý việc chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh T và chị N không có tài sản chung, không vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ tài sản.

***/ Cháu Nhâm Khánh L, sinh ngày 18/02/2010, Nhâm Khánh P, sinh ngày 04/7/2011 và Nhâm Tiến D, sinh ngày 01/6/2014 (là con chị N, anh T) trình bày nếu bố mẹ ly hôn, các cháu có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng mẹ để ổn định việc sinh hoạt và học tập.**

***/ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:**

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý và quá trình xét xử tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị xử cho chị Phí Thị N được ly hôn anh Nhâm Văn T. Đề nghị xử giao ba con chung Nhâm Khánh L, sinh ngày 18/02/2010, Nhâm Khánh P, sinh ngày 04/7/2011 và Nhâm Tiến D, sinh ngày 01/6/2014 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết. Chị N phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, cũng như thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Sau khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án chị Phí Thị N xin ly hôn anh Nhâm Văn T theo thủ tục chung, chị N đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn như cung cấp bản tự khai, các chứng cứ chứng minh; chị N có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Bị đơn - anh Nhâm Văn T đã nhận được thông báo thụ lý vụ án và yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ của Tòa án, anh T cũng đã gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị N cho Tòa án và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Căn cứ khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt các đương sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Phí Thị N và anh Nhâm Văn T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 02/03/2009, được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, anh chị đã có thời gian đầu chung sống hòa thuận, sau đó đến năm 2017 đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do kinh tế gia đình khó khăn, quan điểm sống của anh chị không phù hợp, anh T đã làm thủ tục đi làm việc ở Nhật Bản nhưng bị trục xuất về nước nên kinh tế gia đình càng khó khăn hơn, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng trở nên đỉnh điểm, không thể hóa giải. Năm 2022, anh T tiếp tục đi lao động tại Đài Loan, tình cảm vợ chồng anh chị càng xa cách, lạnh nhạt, anh chị không liên lạc với nhau, không quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Điều đó chứng tỏ anh T, chị N đã không còn tình cảm với nhau, không thực hiện trách nhiệm, nghĩa vụ của vợ chồng đối với nhau trong cuộc sống. Xét thấy, mâu thuẫn của chị N và anh T đã kéo dài, không có khả năng hàn gắn, hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Cần chấp nhận yêu cầu của chị N, xử cho chị N ly hôn anh T là phù hợp pháp luật.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị N và anh T có ba con chung do chị N đang trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T hiện đang sống và làm việc tại Đài Loan, không có điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Để đảm bảo việc ổn định cuộc sống và đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho con chung, cần giao cả ba con cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung: Các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[2.4] Về án phí: Chị N phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 238; Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí, lệ phí Tòa án.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phí Thị N được ly hôn anh Nhâm Văn T.

[2] Về quan hệ con chung: Xử giao con Nhâm Khánh L, sinh ngày 18/02/2010, Nhâm Khánh P, sinh ngày 04/7/2011 và Nhâm Tiến D, sinh ngày 01/6/2014 cho chị Phí Thị N trực tiếp nuôi dưỡng. Chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Chị N, anh T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

[3] Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Phí Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị N đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai số 0005539 ngày 01 tháng 12 năm 2022 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình sang thi hành án phí.

[5] Về quyền kháng cáo: Chị N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án. Anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Hành chính tư pháp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Nguyễn Thị Thanh Bình